

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1989
ĐKKHKT: Tổ 2, phường NQ, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang
Nơi ở: Số nhà A1, đường HHT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1992
ĐKKHKT: Tổ 2, phường NQ, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang
Nơi ở: Số nhà 30, tổ Q, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 110, 116, 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Minh S và chị Nguyễn Thị Ng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Sau khi ly hôn anh S có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi con Nguyễn Phúc H, sinh ngày 27/9/2017, chị Nguyễn Thị Ng có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi con Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17/9/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do cháu D bị bệnh nên anh S có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu D theo mức 6.000.000 đồng/1 tháng, thời gian đóng góp kể từ tháng 4 năm 2022. Nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng đối với cháu D chấm dứt khi thuộc trường hợp quy định điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 hoặc khi anh S, chị Ng có thỏa thuận khác.

Đối với cháu H, các đương sự không yêu cầu xem xét về việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh S và chị Ng đều có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Minh S chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Số tiền án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh S đã nộp theo biên lai thu số 0001422 ngày 15/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP.Bắc Giang;
- VKSND TP.Bắc Giang;
- UBND phường NQ, TP Bắc Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng